

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST

Ngày 10-6-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Chu Tấn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Quãn Thị X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Số X phố D, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T, Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (văn bản ủy quyền số 96/UQ-CTHQQT ngày 01 tháng 10 năm 2021).

Người được ủy quyền lại: Bà Đào Thị M, Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (văn bản ủy quyền số 478/UQ-NCB ngày 18 tháng 10 năm 2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Chu Tấn T trình bày: Anh và chị Quản Thị X kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2002 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Quản Thị X.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Quản Thị X trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như anh T đã trình bày. Nay anh T xin ly hôn chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, vì vậy chị hoàn toàn nhất trí ly hôn với anh Chu Tấn T.

Về con chung: Anh T và chị X thống nhất xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Chu Thị P, sinh ngày 22/01/2005 và cháu Chu Thiên B, sinh ngày 27/10/2006, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị X. Khi ly hôn anh T, chị X cùng thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu P, B cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị X.

Về con riêng: Anh T, chị X thống nhất xác định không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn: Anh T, chị X đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/12/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và người đại diện theo ủy quyền là bà Đào Thị M trình bày: Ngày 25/11/2016 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có ký Hợp đồng cho vay với vợ chồng anh Chu Tấn T, chị Quản Thị X tại Hợp đồng số: 037/16/HĐCV/104-67 và Khế ước nhận nợ số: 001/2016/KUNN/037/16/104-67. Theo đó, Ngân hàng đã

cho anh Chu Tấn T và chị Quản Thị X vay số tiền 300.000.000 đồng với mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô con loại 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Kia Morning, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất kỳ đầu tiên (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên) là 8,8%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở từng thời kỳ cộng 3,8%/năm. Để đảm bảo khoản vay trên, anh T và chị X đã dùng tài sản để thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển số 90A-04xxx. Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn anh T, chị X thực hiện trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng không đầy đủ và đúng hạn, để khoản vay bị quá hạn. Ngân hàng đã thực hiện nhiều biện pháp nhắc nợ như gọi điện, gửi thông báo, xuống làm việc trực tiếp với anh T, chị X để yêu cầu trả nợ nhưng anh chị không thực hiện trả nợ. Ngày 20/12/2019 anh T, chị X đã tự nguyện bàn giao chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển số 90A-04xxx để Ngân hàng xử lý, thu hồi nợ, do xe bị tai nạn hư hỏng nghiêm trọng nên Ngân hàng đã bán đấu giá chiếc xe trên với số tiền 51.389.000 đồng và đã trừ số tiền trên vào khoản nợ gốc. Từ đó cho đến nay anh T, chị X không trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi nào. Cho đến nay anh T, chị X mới trả cho Ngân hàng được 167.255.216 đồng (trong đó số tiền gốc là 120.679.360 đồng và số tiền lãi là 46.575.856 đồng). Tính đến ngày 11/01/2022 anh T, chị X còn nợ Ngân hàng số nợ gốc 179.320.640 đồng, nợ lãi trong hạn 64.398.825 đồng, nợ lãi quá hạn 55.173.233 đồng. Tổng cộng là 298.892.698 đồng. Nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q yêu cầu anh T, chị X phải thanh toán một lần trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/01/2022 là 298.892.698 đồng và lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ. Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa có hiệu lực thi hành nếu anh T, chị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản, tài khoản khác thuộc quyền sở hữu của anh chị để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Anh T và chị X phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo đã được xử lý xong nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Chu Tấn T và chị Quản Thị X đều xác định vợ chồng anh chị có ký hợp đồng vay tiền, khế ước nhận nợ ngày 25/11/2016 với Ngân hàng Q, số tiền vay, mục đích vay, lãi suất thỏa thuận và thế chấp xe ô tô Kia Morning đúng như Ngân hàng đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do xe ô tô bị tai nạn hư hỏng nặng nên anh chị đã tự nguyện bàn giao cho Ngân hàng để thanh lý trừ vào khoản vay gốc đúng như Ngân hàng trình bày. Nay Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị phải thanh toán số nợ tính đến ngày 11/01/2022 bao

gồm số nợ gốc 179.320.640 đồng, nợ lãi trong hạn 64.632.724 đồng, nợ lãi quá hạn 55.856.839 đồng thì anh chị hoàn toàn nhất trí. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh chị chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng số nợ gốc, còn số tiền lãi thì anh chị xin được miễn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên yêu cầu độc lập, không thay đổi, bổ sung gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Chu Tấn T đối với chị Quản Thị X. Sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm của anh T đã nộp.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, buộc anh T, chị X có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng tính đến ngày 10/6/2022 tổng số tiền là 316.503.364 đồng (gồm nợ gốc là 179.320.640 đồng, nợ lãi trong hạn là 68.302.079 đồng, nợ lãi quá hạn là 68.880.645 đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo đến khi trả hết nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là anh Chu Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn là chị Quản Thị X có đơn

xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện giải quyết việc ly hôn của anh Chu Tấn T với chị Quấn Thị X:* Do anh Chu Tấn T là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa nên bị coi là từ bỏ việc khởi kiện, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Chu Tấn T.

[3] *Về địa vị tố tụng và mối quan hệ tranh chấp:* Do yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa anh Chu Tấn T với chị Quấn Thị X bị đình chỉ giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình nên Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trở thành nguyên đơn, anh Chu Tấn T và chị Quấn Thị X trở thành bị đơn. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung tranh chấp:*

[4.1] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q đối với anh Chu Tấn T và chị Quấn Thị X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 25/11/2016 anh T và chị X đã ký với Ngân hàng Q Hợp đồng cho vay số: 037/16/HĐCV/104-67 và Khế ước nhận nợ số: 001/2016/KUNN/037/16/104-67 vay số tiền 300.000.000 đồng với mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Morning, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất kỳ đầu tiên (18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên) là 8,8%/năm, lãi suất kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở từng thời kỳ cộng 3,8%/năm. Hợp đồng vay vốn được các bên giao kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng do anh T, chị X không thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nghĩa vụ thanh toán trả các khoản tiền nợ gốc, lãi và tiền phạt do chậm thanh toán phát sinh theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị X phải thanh toán trả các khoản nợ còn tồn đọng nhưng không có kết quả; quá trình giải quyết tranh chấp Ngân hàng không chấp nhận đề nghị của anh T, chị X về việc trả nguyên số nợ gốc và xin miễn toàn bộ các khoản lãi; anh T, chị X cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc gặp phải khó khăn, trở ngại khách quan dẫn đến không thanh toán trả được nợ đúng hạn cho Ngân hàng là có cơ sở. Do đó, xét yêu cầu của Ngân hàng Q buộc vợ chồng anh T,

chị X phải thanh toán ngay các khoản nợ gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên tính đến ngày 10/6/2022 với số tiền tổng cộng là 316.503.364 đồng, trong đó nợ gốc là 179.320.640 đồng; nợ lãi trong hạn là 68.302.079 đồng; nợ lãi quá hạn là 68.880.645 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Q kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa có hiệu lực thi hành nếu anh T, chị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản, tài khoản khác thuộc quyền sở hữu của anh chị để thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, thấy: Việc đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ được các bên thỏa thuận thực hiện rất rõ trong hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp ô tô. Các bên đều cam kết thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ theo hợp đồng và việc cam kết đó không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc anh T và chị X phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh trong suốt quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, thấy: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự không có đơn yêu cầu nên Tòa án không ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, vì vậy chi phí tố tụng không đặt ra xem xét.

[4.4] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning biển số 90A-04xxx là tài sản đảm bảo đã được anh T, chị X bàn giao cho Ngân hàng và đã được xử lý xong để đổi trừ vào khoản nợ gốc nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh T, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, cụ thể như sau: 316.503.364 đồng x 5% = 15.825.000 đồng (đã làm tròn số). Ngân hàng Q được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 119, 280, 385, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn giữa anh Chu Tấn T và chị Quản Thị X.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện:

- Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Án phí: Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Chu Tấn T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000014 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Buộc anh Chu Tấn T và chị Quản Thị X phải thanh toán, trả cho Ngân hàng Q các khoản tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng cho vay số 037/16/HĐCV/104-67 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/037/16/104-67 ngày 25/11/2016 anh chị đã ký với Ngân hàng tính đến hết ngày 10/6/2022 bao gồm nợ gốc là 179.320.640 đồng; nợ lãi trong hạn là 68.302.079 đồng; nợ lãi quá hạn là 68.880.645 đồng. Tổng cộng là 316.503.364đ (ba trăm mười sáu triệu năm trăm linh ba nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Chu Tấn T và chị Quản Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 037/16/HĐCV/104-67 và Khế ước nhận nợ số 001/2016/KUNN/037/16/104-67 ngày 25/11/2016 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh T, chị X vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Q.

4. Án phí: Anh Chu Tấn T và chị Quấn Thị X phải chịu 15.825.000đ (mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.358.000đ (bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000042 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Đồng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

